

Số: /QĐ-UBND Lào Cai, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt 20 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch áp dụng tại UBND cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 47/TTr-STP ngày 16 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 20 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch áp dụng tại UBND cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Lào Cai (Công dịch vụ công) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ 20 quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC (quy trình số thứ tự từ 02 đến 21) được phê duyệt tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt 22 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch áp dụng tại cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử của tỉnh;
- VNPT Lào Cai;
- Lưu: VT, KSTT₄.

CHỦ TỊCH

Trịnh Xuân Trường

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG 20 QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT
TTHC LĨNH VỰC HỘ TỊCH ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH LÀO CAI**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai*

I. DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH

STT	Tên quy trình	Ký hiệu
1	Đăng ký khai sinh	QT-01
2	Đăng ký kết hôn	QT-02
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-03
4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-04
5	Đăng ký khai tử	QT-05
6	Đăng ký khai sinh lưu động	QT-06
7	Đăng ký kết hôn lưu động	QT-07
8	Đăng ký khai tử lưu động	QT-08
9	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-09
10	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-10
11	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-11
12	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT-12
13	Đăng ký giám hộ	QT-13
14	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-14
15	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	QT-15
16	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-16
17	Đăng ký lại khai sinh	QT-17
18	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ giấy tờ	QT-18
19	Đăng ký lại kết hôn	QT-19
20	Đăng ký lại khai tử	QT-20

II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT TTHC CẤP XÃ

1. Quy trình: QT - 01

a. Tên quy trình: Đăng ký khai sinh

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. - Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai 		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		

	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>- Giấy chứng nhận kết hôn nếu cha, mẹ đã đăng ký kết hôn. Trường hợp đã có thông tin về việc kết hôn của cha, mẹ trong CSDLHTĐT, CSDLQGVC thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính 	x	
--	--	---	--

	<p>Giấy chứng sinh; xuất trình giấy tờ tùy thân; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn (nếu cha mẹ trẻ đã đăng ký kết hôn và thông tin về việc kết hôn chưa có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh. - Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh. - Đối với việc xác định họ, dân tộc, quê quán, đặt tên cho trẻ: <ul style="list-style-type: none"> + Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng. + Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ. - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật. 		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến) 	x	
	* Người có yêu cầu đăng ký khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; 	x	
	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập. 	x	

	- Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.		x	
	- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.		x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)			
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1			
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện			
b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.			
	Thời gian đăng ký cắt giảm: Không			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả “Một cửa” của UBND xã, phường, thị trấn			
b.6	Lệ phí: - 8.000 đồng đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	* Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: + Trường hợp giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển phòng chuyên môn (nếu cá nhân có yêu cầu)	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)

	<ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận giải quyết + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 			<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Giấy khai sinh - Công văn phúc đáp (nếu có)
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	Ký duyệt Giấy khai sinh. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả cho cá nhân 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ

Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết và trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

Tổng thời gian giải quyết: Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo

2. Quy trình : QT - 02

a. Tên quy trình: Đăng ký kết hôn

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

	<p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	<i>Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính</i>		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Trích lục ghi chú ly hôn đối với trường hợp công dân Việt Nam đăng ký thường trú tại địa bàn xã làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được giải quyết việc ly hôn, hủy việc kết hôn trước đó tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p>	X	

	<p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (bản chính Giấy chứng nhận kết hôn/bản sao Trích lục kết hôn), người có yêu cầu đăng ký kết hôn phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (nếu thông tin về tình trạng hôn nhân chưa có trong CSDLQGVD, CSDLHTĐT).</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký kết hôn.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu, có đủ thông tin của hai bên nam, nữ. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)</p>	x	
	* Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	- Bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp trong trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không đăng ký thường trú tại địa bàn xã, phường, thị trấn làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trường hợp các thông tin về tình trạng hôn nhân đã có trong CSDLQGVD, CSDLHTĐT được điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).	x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện:		

	<ul style="list-style-type: none"> - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Các bên không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kết hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng. <p>* Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.</p>			
b.4	<p>Tổng thời gian xử lý theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc. <p>Thời gian đăng ký cắt giảm: 01 ngày làm việc đối với trường hợp cần xác minh (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh Lào Cai).</p> <p>Thời gian xử lý sau khi cắt giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc. 			
b.5	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã nơi cư trú của bên nam hoặc bên nữ.</p>			
b.6	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính 			
b.7	<p>Quy trình xử lý công việc</p>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2

<p>* Trường hợp không phải xác minh: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p>				
Bước 2	<p>* Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: + Trường hợp giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển phòng chuyên môn (nếu cá nhân có yêu cầu) + Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận giải quyết + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Giấy đăng ký kết hôn - Công văn phúc đáp (nếu có)
Bước 4	<p>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).

	nhân và hạn thời gian trả kết quả			
Bước 5	- Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ	Ký duyệt Giấy chứng nhận kết hôn. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” thông báo cá nhân thời gian Tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ	- Công chức được phân công xử lý hồ sơ - Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.	UBND cấp xã	Thời gian theo sự thống nhất 02 bên	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

*** Trường hợp cần phải xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ: 04 ngày làm việc**

Bước 2	* Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: + Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hạn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận chuyên môn + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	02 giờ làm việc	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hạn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
--------	--	---	-----------------	---

				- Hồ sơ
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: (1) Tiến hành thẩm định hồ sơ; (2) xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ; (3) đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết kiểm tra, xác minh và theo dõi đơn đốc các cơ quan (nếu có)	2,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Giấy chứng nhận kết hôn - Công văn phúc đáp (nếu có)
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Giấy chứng nhận kết hôn. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” thông báo cá nhân thời gian Tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức được phân công xử lý hồ sơ - Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã 	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.	UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ

Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
--------	---	--------------------------------------	----------------	--

Tổng thời gian giải quyết:

- Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.
- Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc.

3. Quy trình: QT - 03

a. Tên quy trình: Đăng ký nhận cha, mẹ, con

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	<i>Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính</i>		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p>	x	

	<p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con/bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con) người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con phải xuất trình giấy tờ tùy thân để xác định nhân thân; nộp bản chính giấy tờ, tài liệu là chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con (do người có yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)</p>	x	
	* Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	<p>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm:</p> <p>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</p> <p>+ Trường hợp không có văn bản nêu trên thì phải có văn bản cam đoan của các bên nhận cha, mẹ, con về mối quan hệ cha, mẹ, con và có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con.</p>	x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		

	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống; - Việc nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp. - Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, sinh con, người con sống cùng với người cha, khi người cha làm thủ tục nhận con mà không liên hệ được với người mẹ thì không cần có ý kiến của người mẹ trong Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con 			
b.4	<p>Tổng thời gian xử lý theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không xác minh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ 			
	<p>Thời gian đăng ký cắt giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không xác minh: 01 ngày làm việc. - Trường hợp cần phải xác minh: 03 ngày làm việc <p>(Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).</p>			
	<p>Thời gian xử lý sau khi cắt giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ 			
b.5	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>			
b.6	<p>Lệ phí: 15.000 đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. 			
b.7	<p>Quy trình xử lý công việc</p>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 02 giờ làm việc - Trường hợp cần phải xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết

	+ Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết		minh thì: 0,5 ngày làm việc	hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	- Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định hồ sơ	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	- Trường hợp không phải xác minh: 02 giờ làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 01 ngày làm việc	- Công văn phúc đáp (nếu có) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
	- Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	- Trường hợp không phải xác minh: 0,5 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 2,5 ngày làm việc	- Dự thảo Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	- Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	- Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do

Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” thông báo cá nhân thời gian Tổ chức trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Công chức được phân công xử lý hồ sơ - Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tổ chức trao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND cấp xã	02 giờ làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

Tổng thời gian giải quyết:

- Không xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

4. Quy trình: QT – 04

a. Tên quy trình: Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

	<p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con;</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>	X	

	<p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>- Đối với việc xác định họ, dân tộc, quê quán, đặt tên cho trẻ:</p> <p>+ Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu	x	
	- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu	x	
	- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh	x	
	- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm: + Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con. + Trường hợp không có văn bản nêu trên thì các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con	x	
	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
b.3	<p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</p> <p>- Bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống;</p> <p>- Việc nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp.</p> <p>- Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, sinh con, người con sống cùng với người cha, khi người cha làm thủ tục nhận con mà không liên hệ được với người mẹ thì không cần có ý kiến của người mẹ trong Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p>		
b.4	<p>Tổng thời gian xử lý theo quy định:</p> <p>- Không phải xác minh: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>		
	Thời gian đăng ký cắt giảm: 01 ngày làm việc đối với trường hợp không phải xác minh (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).		
	Thời gian xử lý sau khi cắt giảm:		

	<ul style="list-style-type: none"> - Không phải xác minh: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ 			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã			
b.6	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn. - 15.000 đồng đối với trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con <p>Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết 	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 02 giờ làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 0,5 ngày làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 02 giờ làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 02 ngày làm việc 	- Công văn phúc đáp (nếu có)

	<ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định hồ sơ 			
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 0,5 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 4,5 ngày làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Giấy đăng khai sinh/Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Giấy khai sinh/Trích lục nhận cha, mẹ, con. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả cho cá nhân 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết và trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
Tổng thời gian giải quyết:				

- Không xác minh: 02 ngày làm việc.
- Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc

5. Quy trình: QT - 05

a. Tên quy trình: Đăng ký khai tử

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. - Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. 		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao

b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điện tử động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>- Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết thì vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử.</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p>	x	

	<p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục khai tử/bản sao Trích lục khai tử), người có yêu cầu đăng ký khai tử phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký khai tử theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai tử không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai tử.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai tử (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Công dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)</p>	X	
	* Người có yêu cầu đăng ký khai tử thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp	X	
	- Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử.	X	
	- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người có trách nhiệm đăng ký khai tử ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử mà người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực	X	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		

	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1			
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện			
b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã			
b.6	Lệ phí: - 8.000 đồng đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn. - Miễn lệ phí đối với trường hợp: Đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	* Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: + Trường hợp giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận chuyên môn (nếu cá nhân có yêu cầu) + Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận giải quyết + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)

				- Hồ sơ
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết. - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo văn bản có liên quan - Công văn phúc đáp (nếu có)
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	Ký duyệt giấy khai tử. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả cho cá nhân 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết và trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

Tổng thời gian giải quyết: Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo

6. Quy trình: QT - 06

a. Tên quy trình: Đăng ký khai sinh lưu động

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. - Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. 		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có 	x	

	<p>thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh;</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy chứng nhận kết hôn nếu cha, mẹ đã đăng ký kết hôn. Trường hợp đã có thông tin về việc kết hôn của cha, mẹ trong CSDLHTĐT, CSDLQGVCDC thì không phải xuất trình.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu.	x	
	- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh;	x	
	- Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.		x
b.3	<p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> <p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Trẻ em sinh ra mà cha mẹ bị khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký khai sinh cho con; cha mẹ bị bắt, tạm giam hoặc đang thi hành án phạt tù mà không còn ông bà nội, ngoại và người thân thích khác hoặc những người này không có điều kiện đi đăng ký khai sinh cho trẻ.</p>		
b.4	<p>Tổng thời gian xử lý theo quy định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ</p> <p>Thời gian đăng ký cắt giảm: 02 ngày làm việc (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)</p> <p>Thời gian xử lý sau khi cắt giảm: 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ</p>		
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Địa điểm đăng ký lưu động		
b.6	<p>Lệ phí:</p> <p>- 8.000 đồng đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn</p> <p>- Miễn lệ phí đối với trường hợp: Khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách</p>		

	mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Không quy định	Theo mục b.2
Bước 2	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: + Công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai sinh; kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh + Trường hợp người yêu cầu không biết chữ thì công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Tờ khai. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch tiếp nhận hồ sơ viết Phiếu tiếp nhận, hẹn trả hồ sơ</p>	Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai sinh lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân	Không quy định	Văn bản, giấy tờ có liên quan
Bước 3	<p>Xử lý hồ sơ: - Công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Dự thảo văn bản tài liệu có liên quan - Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân đồng ý giải quyết thì ký Giấy khai sinh cấp cho người có yêu cầu.</p>	Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai sinh lưu động	1,5 ngày làm việc	Văn bản, tài liệu có liên quan
Bước 4	<p>Trả kết quả: + Công chức tư pháp - hộ tịch đem theo Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh để trả kết quả cho</p>	Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai sinh lưu động	1,5 ngày làm việc	<p>- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ</p>

	<p>người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động;</p> <p>+ Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký vào Sổ đăng ký khai sinh, cùng người yêu cầu ký Sổ theo quy định. Tại mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai sinh ghi rõ “Đăng ký lưu động”.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu không biết chữ, khi trả kết quả đăng ký hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch phải đọc lại nội dung giấy tờ hộ tịch cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Sổ hộ tịch.</p>			
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Nhập số liệu vào phần mềm Dịch vụ công của tỉnh - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
Tổng thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ				

7. Quy trình: QT - 07

a. Tên quy trình: Đăng ký Kết hôn lưu động

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	<p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
<i>b.2.1</i>	<i>Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp</i>		
A	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký kết hôn;</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p>	X	
B	Thành phần hồ sơ phải nộp		
	Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn.	X	
	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
b.3	Yêu cầu, điều kiện thực hiện:		
	- Hai bên nam, nữ cùng thường trú trên địa bàn cấp xã mà một hoặc cả hai bên nam, nữ là người khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký kết hôn được.		

	<ul style="list-style-type: none"> - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kết hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng; <p>* Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.</p>			
b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ			
	Thời gian đăng ký cắt giảm: 02 ngày làm việc (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).			
	Thời gian xử lý sau khi cắt giảm: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Địa điểm đăng ký kết hôn lưu động.			
b.6	Lệ phí: Miễn lệ phí			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Không quy định	Theo mục b.2
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: Tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, xác minh về điều kiện kết hôn của các bên; hướng dẫn người dân điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký kết hôn. + Trường hợp người yêu cầu không biết chữ thì công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và 	Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các loại mẫu Tờ khai, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động.	Không quy định	Văn bản, giấy tờ có liên quan

	<p>hướng dẫn người đó điền chỉ vào Tờ khai.</p> <p>Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch tiếp nhận hồ sơ viết Phiếu tiếp nhận, hẹn trả hồ sơ.</p>			
Bước 3	<p>Xử lý hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Dự thảo văn bản tài liệu có liên quan - Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân đồng ý giải quyết thì ký cấp 02 Giấy chứng nhận kết hôn cho người có yêu cầu. 	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn lưu động</p>	1,5 ngày làm việc	Văn bản, tài liệu có liên quan
Bước 4	<p>- Trả kết quả:</p> <p>+ Công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung đăng ký vào Sổ đăng ký kết hôn; trao Giấy chứng nhận kết hôn cho các bên tại địa điểm đăng ký lưu động; cùng các bên kết hôn ký vào Sổ theo quy định. Tại mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký kết hôn ghi rõ “Đăng ký lưu động”.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu không biết chữ: Khi trao Giấy chứng nhận kết hôn, công chức tư pháp - hộ tịch phải đọc lại nội dung Giấy chứng nhận kết hôn cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Sổ đăng ký kết hôn.</p>	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn lưu động</p>	1,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Nhập số liệu vào phần mềm Dịch vụ công của tỉnh - Lưu hồ sơ theo quy định 	<p>Công chức được phân công xử lý hồ sơ</p>	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
<p>Tổng thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ</p>				

8. Quy trình: QT - 08**a. Tên quy trình:** Đăng ký Khai tử lưu động**b. Nội dung của quy trình:**

b.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. - Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. 		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử; - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các 	x	

	<p><i>thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</i></p> <p>- Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.</p>			
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:			
	- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu		x	
	- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp		x	
b.3	<p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> <p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Người chết không có người thân thích, người thân thích không sống cùng địa bàn xã hoặc là người già, yếu, khuyết tật không đi đăng ký khai tử được</p>			
b.4	<p>Tổng thời gian xử lý theo quy định: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Thời gian đăng ký cắt giảm: 02 ngày làm việc (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).</p> <p>Thời gian xử lý sau khi cắt giảm: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Địa điểm đăng ký khai tử lưu động.			
b6	<p>Lệ phí:</p> <p>- 8.000 đồng đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn. - Miễn lệ phí đối với trường hợp: Đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Không quy định	Theo mục b.2
Bước 2	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: + Tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động, công chức tư pháp -	Công chức tư pháp - hộ tịch được giao nhiệm vụ đăng ký khai	Không quy định	Văn bản, giấy tờ có liên quan

	<p>hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai tử, kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai tử</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu không biết chữ thì công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Tờ khai</p>	<p>tử lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai tử, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân</p>		
Bước 3	<p>Xử lý hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Dự thảo văn bản tài liệu có liên quan - Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân đồng ý giải quyết thì ký cấp Trích lục khai tử cho người có yêu cầu. 	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai tử lưu động</p>	1,5 ngày làm việc	Văn bản, tài liệu có liên quan
Bước 4	<p>Trả kết quả:</p> <p>+ Công chức tư pháp – hộ tịch đem theo Trích lục khai tử và Sổ đăng ký khai tử để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động; công chức tư pháp – hộ tịch ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai tử, cùng người yêu cầu ký vào Sổ. Tại mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai tử ghi rõ “Đăng ký lưu động”</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu không biết chữ: Khi trả kết quả, công chức tư pháp - hộ tịch đọc lại nội dung Trích lục khai tử cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điền chỉ vào Sổ đăng ký khai tử.</p>	<p>Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai tử lưu động</p>	1,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Nhập số liệu vào phần mềm Dịch vụ công của tỉnh 	<p>Công chức được phân công xử lý hồ sơ</p>	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ

- Lưu hồ sơ theo quy định			- Hồ sơ lưu theo quy định
Tổng thời gian giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ			

9. Quy trình: QT - 09

a. Tên quy trình: Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. - Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. 		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao

b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công dân Việt Nam để chứng minh thẩm quyền đăng ký khai sinh trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy chứng nhận kết hôn nếu cha, mẹ đã đăng ký kết hôn. Trường hợp đã có thông tin về việc kết hôn của cha, mẹ trong CSDLHTĐT, CSDLQGVC thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p>	x	

	<p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký khai sinh phải nộp bản chính Giấy chứng sinh; xuất trình giấy tờ tùy thân; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn (nếu cha mẹ trẻ đã đăng ký kết hôn và thông tin về việc kết hôn chưa có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT).</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch được miễn hợp pháp hóa lãnh sự; dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>- Đối với việc xác định họ, dân tộc, quê quán, đặt tên cho trẻ:</p> <p>+ Việc xác định họ, dân tộc, đặt tên cho trẻ em phải phù hợp với pháp luật và yêu cầu giữ gìn bản sắc dân tộc, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam; không đặt tên quá dài, khó sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp cha, mẹ không thỏa thuận được về họ, dân tộc, quê quán của con khi đăng ký khai sinh thì họ, dân tộc, quê quán của con được xác định theo tập quán nhưng phải bảo đảm theo họ, dân tộc, quê quán của cha hoặc mẹ.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p>	x	
	* Người có yêu cầu đăng ký khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	<p>- Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận</p>	x	

	của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ.		
	- Văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con. Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con, thì ngoài văn bản thỏa thuận lựa chọn quốc tịch còn phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về việc trẻ có quốc tịch nước ngoài theo quy định của pháp luật nước đó.	x	
	- Bản sao giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy tờ chứng minh nơi thường trú ở khu vực biên giới của công dân nước láng giềng.		x
	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.	x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
b.3	Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Trẻ sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới còn mẹ hoặc cha là công dân nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú.		
b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		
	Thời gian đăng ký cắt giảm: Không		
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã ở khu vực biên giới nơi công dân Việt Nam thường trú.		
b.6	Lệ phí: - 8.000 đồng; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.		
b.7	Quy trình xử lý công việc		
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết
			Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	<p>* Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>- Hồ sơ hợp lệ theo quy định:</p> <p>+ Trường hợp giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận chuyên môn (nếu cá nhân có yêu cầu)</p> <p>+ Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận giải quyết</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p>	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	<p>- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả</p> <p>- Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p> <p>- Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p> <p>- Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ.</p> <p>(<i>Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Hồ sơ</p>
Bước 3	<p>- Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết</p> <p>- Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn</p>	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<p>- Dự thảo văn bản có liên quan</p> <p>- Công văn phúc đáp (nếu có)</p>
Bước 4	Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả	<p>- Lãnh đạo cơ quan</p> <p>- Công chức được phân công xử lý hồ sơ</p>	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).

Bước 5	- Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ	Ký duyệt Giấy khai sinh. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả cho cá nhân	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết và trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
Tổng thời gian giải quyết: Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo				

10. Quy trình: QT - 10

a. Tên quy trình: Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

	<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của công dân Việt Nam. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của công dân Việt Nam để chứng minh thẩm quyền đăng ký kết hôn trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>* Lưu ý:</p>	x	

	<p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký kết hôn trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy chứng nhận kết hôn), người có yêu cầu đăng ký kết hôn phải nộp bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (nếu thông tin về tình trạng hôn nhân chưa có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT), giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch được miễn hợp pháp hóa lãnh sự; dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký kết hôn.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu, có đủ thông tin của hai bên nam, nữ. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký kết hôn (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)</p>	x	

	<p>* Người có yêu cầu đăng ký kết hôn thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>		
	<p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ, xác nhận công dân nước láng giềng hiện tại là người không có vợ hoặc không có chồng;</p>	x	
	<p>- Bản sao giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy tờ chứng minh nơi thường trú ở khu vực biên giới của công dân nước láng giềng.</p>		x
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
b.3	<p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> <p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới đăng ký kết hôn với công dân của nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú. - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kết hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng; <p>* Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.</p>		
b.4	<p>Tổng thời gian xử lý theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phải xác minh: 03 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. <p>Thời gian đăng ký cắt giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phải xác minh: 01 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh: 02 ngày làm việc. <p>(Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)</p> <p>Thời gian xử lý sau khi cắt giảm:</p>		

	<ul style="list-style-type: none"> - Không phải xác minh: 02 ngày làm việc. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. 			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã ở khu vực biên giới nơi công dân Việt Nam thường trú.			
b.6	Lệ phí: Miễn lệ phí			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết. 	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 02 giờ làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 0,5 ngày làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Bộ hồ sơ
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 02 giờ làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 1,5 ngày làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn phúc đáp (nếu có) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

	+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định hồ sơ			
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 0,5 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 03 ngày làm việc 	- Dự thảo văn bản có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Giấy chứng nhận kết hôn. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” thông báo cá nhân thời gian tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức được phân công xử lý hồ sơ - Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã 	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ	UBND cấp xã	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

Tổng thời gian xử lý theo quy định:

- Không phải xác minh: 02 ngày làm việc.

- Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.

11. Quy trình: QT - 11**a. Tên quy trình:** Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới**b. Nội dung của quy trình:**

b.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. 		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVD, 	x	

<p>CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Bản sao giấy tờ chứng minh nhân thân, giấy tờ chứng minh nơi thường trú ở khu vực biên giới của công dân nước láng giềng.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký nhận cha, mẹ, con trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con/bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con) người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con phải xuất trình giấy tờ tùy thân để xác định nhân thân; nộp bản chính giấy tờ, tài liệu là chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch được miễn hợp pháp hóa lãnh sự; dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung.</p>		X
--	--	---

	<p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký nhận cha, mẹ, con (do người có yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)</p>	x	
	* Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	<p>- Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm:</p> <p>+ Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con.</p> <p>+ Trường hợp không có văn bản nêu trên thì các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng</p>	x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
b.3	<p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> <p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</p> <p>- Việc nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam, tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú.</p> <p>- Bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống.</p> <p>- Việc nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp.</p>		

	<p>- Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, sinh con, người con sống cùng với người cha, khi người cha làm thủ tục nhận con mà không liên hệ được với người mẹ thì không cần có ý kiến của người mẹ trong Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con.</p>			
b.4	<p>Tổng thời gian xử lý theo quy định:</p> <p>- Trường hợp không phải xác minh: 07 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 12 ngày làm việc.</p>			
	<p>Thời gian đăng ký cắt giảm:</p> <p>- Trường hợp không phải xác minh: 03 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc.</p> <p>(Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).</p>			
	<p>Thời gian xử lý sau khi cắt giảm:</p> <p>- Trường hợp không phải xác minh: 04 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.</p>			
b.5	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã ở khu vực biên giới nơi công dân Việt Nam thường trú.</p>			
b.6	<p>Lệ phí:</p> <p>- 15.000 đồng</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>			
b.7	<p>Quy trình xử lý công việc</p>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p> <p>+ Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết</p>	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	0,5 ngày làm việc	<p>- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư</p>

				số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định hồ sơ 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 0,5 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 1,5 ngày làm việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn phúc đáp (nếu có) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan - Niêm yết tại UBND xã việc nhận cha mẹ con - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 05 ngày làm việc 	- Dự thảo văn bản có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ký: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” thông báo cá nhân thời gian TỐ 	- Công chức được phân công xử lý hồ sơ	02 giờ làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC

	chức trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	- Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã		- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tổ chức trao trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con	UBND cấp xã	02 giờ làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
Tổng thời gian giải quyết: - Không xác minh: 04 ngày làm việc. - Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc				

12. Quy trình: QT - 12

a. Tên quy trình: Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

	<p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
<i>b.2.1</i>	<i>Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính</i>		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- <i>Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</i></p> <p>- Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết.</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p>	x	

	<p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng;</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai tử trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục khai tử/bản sao Trích lục khai tử), người có yêu cầu đăng ký khai tử phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký khai tử theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước có chung đường biên giới với Việt Nam lập, cấp, xác nhận sử dụng để đăng ký hộ tịch được miễn hợp pháp hóa lãnh sự; dịch ra tiếng Việt và có cam kết của người dịch về việc dịch đúng nội dung.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai tử không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai tử.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai tử (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Công dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)</p>	x	
	<p>* Người có yêu cầu đăng ký khai tử thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>		

	- Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp.		x	
	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.		x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)			
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1			
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện			
b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: - Không phải xác minh: Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.			
	Thời gian đăng ký cắt giảm: không			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nơi người chết là người nước ngoài cư trú.			
b.6	Lệ phí: - 8.000 đồng đối với trường hợp khai tử không đúng hạn; - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
* Quy trình giải quyết: Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.				
Bước 2	* Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: + Trường hợp giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ: Tiếp	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

	<p>nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận chuyên môn (nếu cá nhân có yêu cầu)</p> <p>+ Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận giải quyết</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p>			<p>- Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p> <p>- Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>- Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p> <p>- Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ</p> <p>(<i>Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP</i>)</p> <p>- Hồ sơ</p>
Bước 3	<p>- Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết</p> <p>- Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn</p>	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<p>- Dự thảo văn bản có liên quan</p> <p>- Công văn phúc đáp (nếu có)</p>
Bước 4	<p><i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i></p>	<p>- Lãnh đạo cơ quan</p> <p>- Công chức được phân công xử lý hồ sơ</p>	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (<i>Thông tư số 01/2018/TT-VPCP</i>).
Bước 5	<p>- Xét duyệt hồ sơ:</p> <p>+ Nếu đồng ý: Ký duyệt</p> <p>+ Nếu không đồng ký: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch</p>	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	Ký duyệt trích lục đăng ký khai tử. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<p>- Phát hành văn bản</p> <p>- Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả cho cá nhân</p>	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	- Kết quả giải quyết TTHC

				<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết và trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
* Quy trình giải quyết: Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc				
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> * Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: + Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận chuyên môn + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: (1) Tiến hành thẩm định hồ sơ; (2) xác minh điều kiện kết hôn của 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	1,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Trích lục khai tử - Công văn phúc đáp (nếu có) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

	hai bên nam, nữ; (3) đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn			
Bước 4	Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả	- Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	- Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Kết quả giải quyết (Trích lục khai tử). Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” thông báo cá nhân thời gian Tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ	- Công chức được phân công xử lý hồ sơ - Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	0,5 ngày làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
Tổng thời gian giải quyết: - Không phải xác minh: Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc				

13. Quy trình: QT - 13**a. Tên quy trình:** Đăng ký giám hộ**b. Nội dung của quy trình:**

b.1	Cơ sở pháp lý
	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014;

	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. - Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. 		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
<i>b.2.1</i>	<i>Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính</i>		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình		
	<ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký giám hộ. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến); 	x	

- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến);

Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.

*** Lưu ý:**

- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.

+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.

+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.

- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:

+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký giám hộ trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.

+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký giám hộ trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.

+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký giám hộ/bản sao Trích lục đăng ký giám hộ), người có yêu cầu đăng ký giám hộ xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp bản chính các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký giám hộ theo quy định pháp luật hộ tịch.

- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký giám hộ không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị

	tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký giám hộ.		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	- Tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp)	x	
	- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký giám hộ (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)	x	
	* Người có yêu cầu đăng ký giám hộ thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	- Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cử	x	
	- Giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ đương nhiên. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên.	x	
	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.	x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện		
b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
	Thời gian đăng ký cắt giảm: 01 ngày làm việc (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).		
	Thời gian xử lý sau khi cắt giảm: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã		

b.6	Lệ phí: Miễn lệ phí			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> * Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: + Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận chuyên môn + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định hồ sơ 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn phúc đáp (nếu có) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	Văn bản, tài liệu có liên quan

Bước 4	Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hạn thời gian trả kết quả	- Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	- Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt trích lục đăng ký giám hộ. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả cho cá nhân	- Công chức được phân công xử lý hồ sơ	02 giờ làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
Tổng thời gian giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				

14. Quy trình: QT - 14

a. Tên quy trình: Đăng ký chấm dứt giám hộ

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

	<p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	<i>Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính</i>		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<p>Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p>	x	

	<p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>- Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ/bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ), người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký chấm dứt giám hộ theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký chấm dứt giám hộ.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký chấm dứt giám hộ (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)</p>	x	
	<p>* Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>		

	- Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự.		x	
	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.		x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)			
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1			
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện			
b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
	Thời gian đăng ký cắt giảm: 01 ngày làm việc (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).			
	Thời gian xử lý sau khi cắt giảm: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã			
b.6	Lệ phí: Miễn lệ phí			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
Bước 2	* Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: + Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận chuyên môn + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ

				(Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Hồ sơ
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn phúc đáp (nếu có) - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	02 giờ làm việc	Ký duyệt trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả cho cá nhân 	- Công chức được phân công xử lý hồ sơ	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết và trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

				- Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
Tổng thời gian giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				

15. Quy trình: QT - 15**a. Tên quy trình:** Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch.**b. Nội dung của quy trình:**

b.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai. 		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình		

	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- <i>Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</i></p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục thay đổi/cải chính/ bổ sung thông tin hộ tịch hoặc bản sao Trích lục thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch), người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp</p>	x	
--	---	---	--

	<p>các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu đăng ký có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác thực hiện đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến)</p>	x	
	* Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	- Giấy tờ làm căn cứ thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	x	
	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.	x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
b.3	<p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> <p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện:</p> <p>+ Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi phải có sự đồng ý của cha, mẹ người đó và được thể hiện rõ trong Tờ khai; đối với người từ đủ 9 tuổi trở lên thì còn phải có sự đồng ý của người đó.</p> <p>+ Việc cải chính hộ tịch chỉ được giải quyết sau khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch; không cải chính nội dung</p>		

	<p>trên giấy tờ hộ tịch đã được cấp hợp lệ nhằm hợp thức hóa thông tin trên hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác.</p> <p>+ Giấy tờ hộ tịch quy định đã cấp cho cá nhân theo quy định của pháp luật về hộ tịch trước ngày 01/01/2016 (ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực) có giá trị sử dụng mà không phải bổ sung thông tin hộ tịch còn thiếu so với biểu mẫu hộ tịch hiện hành.</p> <p>+ Giấy tờ hộ tịch được cấp hợp lệ kể từ ngày 01/01/2016 mà thông tin hộ tịch còn thiếu thì được bổ sung, nếu có giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hợp lệ chứng minh.</p> <p>Yêu cầu ghi bổ sung quốc tịch Việt Nam chỉ thực hiện đối với giấy tờ hộ tịch được cấp kể từ ngày 01/01/2016, sau khi đã xác định người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam.</p>			
b.4	<p>Tổng thời gian xử lý theo quy định:</p> <p>- Bổ sung hộ tịch: Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- Thay đổi, cải chính hộ tịch:</p> <p>+ Không phải xác minh: 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch</p> <p>+ Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p>			
	<p>Thời gian đăng ký cắt giảm:</p> <p>- Thay đổi, cải chính hộ tịch:</p> <p>+ Không phải xác minh: 01 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch</p> <p>+ Trường hợp phải xác minh: 02 ngày làm việc.</p> <p>(Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).</p>			
	<p>Thời gian xử lý sau khi cắt giảm:</p> <p>- Bổ sung hộ tịch: Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>- Thay đổi, cải chính hộ tịch:</p> <p>+ Không phải xác minh: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>+ Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>			
b.5	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>			
b.6	<p>Lệ phí:</p> <p>- 15.000 đồng</p> <p>- Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>			
b.7	<p>Quy trình xử lý công việc</p>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
<p>* Quy trình giải quyết: Bổ sung hồ tịch: Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hồ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p>				
Bước 2	<p>* Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: - Hồ sơ hợp lệ theo quy định: + Trường hợp giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận chuyên môn (nếu cá nhân có yêu cầu) + Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển bộ phận giải quyết + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p>	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngay sau khi nhận được hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (<i>Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP</i>) - Hồ sơ
Bước 3	<p>- Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Tiến hành thẩm định hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn</p>	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo văn bản có liên quan - Công văn phúc đáp (nếu có)
Bước 4	Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá	- Lãnh đạo cơ quan	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết

	nhân và hạn thời gian trả kết quả	- Công chức được phân công xử lý hồ sơ		quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	- Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ	Ký duyệt trích lục. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả cho cá nhân	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết và trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của UBND cấp xã	Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

*** Quy trình giải quyết**

- Thay đổi, cải chính hộ tịch:

+ Không phải xác minh: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

+ Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước 2	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Chi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hạn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hạn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
--------	---	--	-----------------	--

				<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định hồ sơ 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 0,5 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 01 ngày làm việc 	Công văn phúc đáp (nếu có)
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 0,5 ngày làm việc - Trường hợp cần phải xác minh thì: 02 ngày làm việc 	- Dự thảo văn bản có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Trích lục. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả kết quả cho cá nhân 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ

Bước 7	Tiếp nhận kết quả; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

Tổng thời gian giải quyết:

- **Bổ sung hồ tịch:** Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hồ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.

- **Thay đổi, cải chính hồ tịch:**

+ Không phải xác minh: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

+ Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

16. Quy trình: QT - 16

a. Tên quy trình: Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;

	<p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
<i>b.2.1</i>	<i>Thành phần hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính</i>		
A	Thành phần hồ sơ xuất trình		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVD, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích kết hôn thì cơ quan đăng ký hộ tịch chỉ cấp 01 bản cho người yêu cầu.</p> <p>- Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn thì trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi rõ mục đích sử dụng, số lượng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp theo yêu cầu.</p> <p>- Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn với người cùng giới tính hoặc kết hôn với người nước ngoài tại Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết.</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p>	x	

	<p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả, người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả xác nhận tình trạng hôn nhân.</p> <p>- Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật.</p> <p>Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật.</p>		
B	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	- Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);	x	

	- Biểu mẫu điện tử tương tác cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).		
	*Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	- Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ/chồng đã chết thì phải xuất trình (bản chính) hoặc nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh;	x	
	- Công dân Việt Nam đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài thì phải nộp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn		x
	- Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác hoặc do Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã hết thời hạn sử dụng theo quy định thì phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó	x	
	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.	x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện: * Trường hợp yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm mục đích kết hôn thì người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn:- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: + Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha		

	<p>chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.</p> <p>- Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.</p> <p>* Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn, thì người yêu cầu không phải đáp ứng điều kiện kết hôn.</p>			
b.4	<p>Tổng thời gian xử lý theo quy định:</p> <p>- Không phải xác minh: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>			
	<p>Thời gian đăng ký cắt giảm: 01 ngày làm việc (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).</p>			
	<p>Thời gian xử lý sau khi cắt giảm:</p> <p>- Không phải xác minh: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>			
b.5	<p>Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã</p>			
b.6	<p>Lệ phí: 15.000 đồng</p> <p>Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>			
b.7	<p>Quy trình xử lý công việc</p>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
<p>* Quy trình giải quyết:</p> <p>Không phải xác minh: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>				
Bước 2	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p> <p>+ Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển</p>	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	<p>- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện</p>

	hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết			hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì thẩm định hồ sơ. 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	Công văn phúc đáp (nếu có)
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả kết quả cho cá nhân 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

				- Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

*** Quy trình giải quyết: Trường hợp phải xác minh** thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước 2	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> <p>+ Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ</p> <p>+ Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết</p>	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	0,5 ngày	<p>- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)</p> <p>- Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ</p> <p>- Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)</p>
Bước 3	<p>- Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết</p> <p>- Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ</p>	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày	Công văn phúc đáp (nếu có)

	+ Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì thẩm định hồ sơ			
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan (Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau) + Báo cáo Lãnh đạo cơ quan + Dự thảo văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đã từng đăng ký thường trú tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó + Trình Lãnh đạo ký phát hành 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày	Văn bản có liên quan
	Kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến - Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết kiểm tra, xác minh và theo dõi đơn đốc các cơ quan 	20 ngày	Văn bản xác minh
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận văn bản xác minh - Tổng hợp các nội dung - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết theo dõi đơn đốc	0,5 ngày	Văn bản, tài liệu có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày	Ký duyệt giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do

	+ Nếu không đồng ký: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch			
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả kết quả cho cá nhân	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	0,5 ngày	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

Tổng thời gian giải quyết:

- Không phải xác minh: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

17. Quy trình: QT - 17

a. Tên quy trình: Đăng ký lại khai sinh

b. Nội dung của quy trình:

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	<p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	x	

	<p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký lại khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký lại khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký lại khai sinh theo quy định pháp luật hộ tịch. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại khai sinh. - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật. 		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		

	<p>- Tờ khai đăng ký lại khai sinh theo mẫu, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã nộp đủ các giấy tờ hiện có (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại khai sinh, trong đó có cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy khai sinh, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).</p>	X	
	* Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	<p>- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm:</p> <p>+ Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh); Bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam.</p> <p>+ Trường hợp người yêu cầu không có giấy tờ nêu trên thì phải nộp bản sao giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ như: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.</p> <p>Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>		X
	- Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.	X	
	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.	X	
b.2.2	<i>Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)</i>		

	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1			
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện: - Việc khai sinh đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh đều bị mất. - Người có yêu cầu còn sống tại thời điểm yêu cầu đăng ký lại.			
3.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: - Không phải xác minh: 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.			
	Thời gian đăng ký cắt giảm: 01 ngày làm việc đối với trường hợp không phải xác minh. (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).			
	Thời gian xử lý sau khi cắt giảm: - Không phải xác minh: 04 ngày làm việc. - Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã			
b.6	Lệ phí: - 8.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
* Quy trình giải quyết: Không phải xác minh: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
Bước 2	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

	+ Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết			(Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	- Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì thẩm định hồ sơ.	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	Công văn phúc đáp (nếu có)
	- Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan (nếu có) - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	2,5 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	- Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	- Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Giấy khai sinh. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do

Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả kết quả cho cá nhân	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	02 giờ làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

*** Quy trình giải quyết: Trường hợp phải xác minh** thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước 2	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	0,5 ngày	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	- Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do.	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	01 ngày	Công văn phúc đáp (nếu có)

	<ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì thẩm định hồ sơ. 			
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan; + Báo cáo Lãnh đạo cơ quan; + Dự thảo văn bản đề nghị cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh; + Trình Lãnh đạo ký phát hành. 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	1,5 ngày	Văn bản có liên quan
	Kiểm tra, xác minh các nội dung có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến - Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết kiểm tra, xác minh và theo dõi đơn đốc các cơ quan 	20 ngày	Văn bản xác minh
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận văn bản xác minh - Tổng hợp các nội dung - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết theo dõi đơn đốc	01 ngày	Văn bản, tài liệu có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ; + Nếu đồng ý: Ký duyệt 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày	Ký duyệt Giấy khai sinh. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do

	+ Nếu không đồng ký: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch			
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả kết quả cho cá nhân	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	0,5 ngày	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

Tổng thời gian giải quyết

- Không phải xác minh: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

18. Quy trình: QT - 18

a. Tên quy trình: Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ giấy tờ

b. Nội dung của quy trình

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	<p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p>	x	

	<p>* Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: <ul style="list-style-type: none"> + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký khai sinh trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. + Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Giấy khai sinh/bản sao Giấy khai sinh), người có yêu cầu đăng ký khai sinh phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký khai sinh theo quy định pháp luật hộ tịch. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký khai sinh. - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký hộ tịch, nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật. 		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		

	<p>- Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký khai sinh (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).</p>	x	
	* Người có yêu cầu đăng ký khai sinh thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	- Văn bản cam đoan của người yêu cầu về việc chưa được đăng ký khai sinh.	x	
	<p>- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, Hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.</p> <p>Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật.</p>		x
	- Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.	x	
	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.	x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)		
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1		
b.3	<p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p> <p>Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Công dân Việt Nam cư trú trong nước, sinh trước ngày 01/01/2016, chưa được đăng ký khai sinh, có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (bản chính hoặc bản sao được chứng thực hợp lệ) như: giấy tờ tùy thân; Sổ hộ khẩu; Sổ tạm trú; giấy tờ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp.</p>		

b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định:			
	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. 			
	<p>Thời gian đăng ký cắt giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 01 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày. <p>(Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).</p>			
<p>Thời gian xử lý sau khi cắt giảm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 04 ngày làm việc. - Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 21 ngày. 				
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã			
b.6	<p>Lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 			
b.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2
* Quy trình giải quyết: Không phải xác minh: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
Bước 2	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết 	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

				- Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định hồ sơ 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	Công văn phúc đáp (nếu có)
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan (nếu có) - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	2,5 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ +Nếu đồng ý: Ký duyệt +Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt giấy khai sinh. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả kết quả cho cá nhân 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	- Kết quả giải quyết TTHC

				<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
<p>* Quy trình giải quyết: Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>				
Bước 2	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết 	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	0,5 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì thẩm định hồ sơ 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày	Công văn phúc đáp (nếu có)
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã,	01 ngày	Văn bản có liên quan

	<ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo Lãnh đạo cơ quan + Dự thảo văn bản đề cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh + Trình Lãnh đạo ký phát hành 	phường, thị trấn được phân công giải quyết		
	Kiểm tra, xác minh các nội dung có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến - Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết kiểm tra, xác minh và theo dõi đơn đốc các cơ quan 	17,5 ngày	Văn bản xác minh
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận văn bản xác minh - Tổng hợp các nội dung - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết theo dõi đơn đốc	0,5 ngày	Văn bản, tài liệu có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày	Ký duyệt Giấy khai sinh. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả kết quả cho cá nhân 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	0,5 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết TTHC

				<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định 	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
<p>Tổng thời gian giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải xác minh: 04 ngày làm việc. - Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 21 ngày. 				

19. Quy trình: QT - 19

a. Tên quy trình: Đăng ký lại kết hôn

b. Nội dung của quy trình

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

	<p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình:		
	<p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn.</p> <p>- Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền trong trường hợp việc đăng ký lại kết hôn thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đăng ký kết hôn trước đây (trong giai đoạn Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc chưa được xây dựng xong và thực hiện thống nhất trên toàn quốc).</p>	x	
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký lại kết hôn theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại kết hôn, trong đó có cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).</p>	x	
	* Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
	- Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn.		x

b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)					
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1					
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ					
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện: - Việc kết hôn đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký kết hôn và bản chính Giấy chứng nhận kết hôn đều bị mất; - Người yêu cầu đăng ký lại kết hôn còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại kết hôn.					
b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: - Không phải xác minh: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ					
	Thời gian đăng ký cắt giảm: 02 ngày làm việc đối với trường hợp phải xác minh (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).					
	Thời gian xử lý sau khi cắt giảm: - Không phải xác minh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ					
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã					
b.6	Lệ phí: - 30.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.					
b.7	Quy trình xử lý công việc					
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả		
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2		
* Quy trình giải quyết: Không phải xác minh: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ						
Bước 2	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ:	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết		

	<ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết 			<ul style="list-style-type: none"> quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì thẩm định hồ sơ. 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	Công văn phúc đáp (nếu có)
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan (nếu có) - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	01 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Giấy chứng nhận kết hôn. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do

	+ Nếu không đồng ký: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch			
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” thông báo cho cá nhân việc trao giấy chứng nhận kết hôn	- Công chức được phân công xử lý hồ sơ - Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	- Ghi việc kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ; hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn - Tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ	- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã - Công chức được phân công xử lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
* Quy trình giải quyết: Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
Bước 2	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	0,5 ngày	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	- Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn	01 ngày	Công văn phúc đáp (nếu có)

	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu thì thẩm định hồ sơ. 	được phân công giải quyết		
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan + Báo cáo Lãnh đạo cơ quan + Dự thảo văn bản đề nghị cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh + Trình Lãnh đạo ký phát hành 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	01 ngày	Văn bản có liên quan
	Kiểm tra, xác minh các nội dung có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến - Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết kiểm tra xác minh và theo dõi đơn đốc các cơ quan 	20 ngày	Văn bản xác minh
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận văn bản xác minh - Tổng hợp các nội dung - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết theo dõi đơn đốc	01 ngày	văn bản, tài liệu có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt 	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày	Ký duyệt Giấy chứng nhận kết hôn Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do

	+ Nếu không đồng ký: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch			
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” thông báo cho cá nhân việc trao giấy chứng nhận kết hôn	- Công chức được phân công xử lý hồ sơ - Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	0,5 ngày	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	- Ghi việc kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ; hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn - Tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ	- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã Công chức được phân công xử lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định

Tổng thời gian giải quyết:

- Không phải xác minh: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

20. Quy trình: QT - 20

a. Tên quy trình: Đăng ký lại khai tử

b. Nội dung của quy trình

b.1	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	<p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;</p> <p>- Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p> <p>- Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định về các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.</p>		
b.2	Thành phần hồ sơ thực hiện TTHC	Bản chính	Bản sao
b.2.1	Thành phần nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính		
a	Thành phần hồ sơ xuất trình		
	<p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai tử. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVC, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến).</p> <p>Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp:</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.</p> <p>+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm</p>	x	

	<p>kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó.</p> <p>+ Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp.</p> <p>- Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến:</p> <p>+ Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ đăng ký lại khai tử trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng.</p> <p>+ Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ đăng ký lại khai tử trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này.</p> <p>+ Khi đến cơ quan đăng ký hộ tịch nhận kết quả (Trích lục khai tử/bản sao Trích lục khai tử), người có yêu cầu đăng ký lại khai tử phải xuất trình giấy tờ tùy thân, nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký lại khai tử theo quy định pháp luật hộ tịch.</p> <p>- Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.</p> <p>- Trường hợp người có yêu cầu đăng ký lại khai tử không cung cấp được giấy tờ nêu trên theo quy định hoặc giấy tờ nộp, xuất trình bị tẩy xóa, sửa chữa, làm giả thì cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền hủy bỏ kết quả đăng ký lại khai tử.</p>		
b	Thành phần hồ sơ phải nộp:		
	<p>- Tờ khai đăng ký lại khai tử theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp);</p> <p>- Biểu mẫu điện tử tương tác đăng ký lại khai tử, trong đó có cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật, không còn bản chính Giấy chứng tử/Trích lục khai tử, đã nộp đủ các giấy tờ hiện có và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến).</p>	x	
	<p>* Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:</p>		
	<p>- Bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ. Nếu không có bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ liên quan có nội dung chứng minh sự kiện chết.</p>		x

	- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.		x	
b.2.2	Thành phần hồ sơ nộp trực tuyến (nếu có)			
	Tập tin chứa thành phần hồ sơ theo mục b.2.1			
b.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
	Yêu cầu, điều kiện thực hiện: Việc khai tử đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký khai tử và bản chính Giấy chứng tử đều bị mất.			
b.4	Tổng thời gian xử lý theo quy định: - Không phải xác minh: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
	Thời gian đăng ký cắt giảm: - Không phải xác minh: 02 ngày làm việc - Trường hợp cần xác minh: 03 ngày làm việc. (Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 11/05/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai).			
	Thời gian xử lý sau khi cắt giảm: - Không phải xác minh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
b.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã			
3.6	Lệ phí: - 8.000 đồng - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian giải quyết	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nộp hồ sơ	Cá nhân có nhu cầu	Giờ hành chính	Theo mục b.2

* Quy trình giải quyết: Không phải xác minh: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ				
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết 	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	02 giờ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định hồ sơ 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	Công văn phúc đáp (nếu có)
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan (nếu có) - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	1,5 ngày làm việc	- Dự thảo văn bản có liên quan
Bước 4	Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).

	<i>bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>			
Bước 5	- Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Trích lục khai tử. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả kết quả cho cá nhân	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	02 giờ làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
<p>* Quy trình giải quyết: Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>				
Bước 2	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Ghi phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp từ chối: Ghi phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ + Hồ sơ hợp lệ theo quy định: Tiếp nhận và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả hồ sơ sau đó chuyển hồ sơ cho cán bộ trực tiếp giải quyết	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	0,5 ngày làm việc	- Mẫu số 01: Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 03: Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 02: Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP) - Mẫu số 5: Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

				- Mẫu số 06: Sổ theo dõi hồ sơ (Thông tư số: 01/2018/TT-VPCP)
Bước 3	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức tư pháp hộ tịch tiến hành xem xét, xử lý hồ sơ; đề xuất phương án giải quyết - Kiểm tra hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: Thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ lý do. + Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân hoàn thiện hồ sơ + Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định hồ sơ 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	Công văn phúc đáp (nếu có)
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành thẩm định hồ sơ; - Xác minh các nội dung có liên quan + Báo cáo Lãnh đạo cơ quan + Dự thảo văn bản đề nghị cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh + Trình Lãnh đạo ký phát hành 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết	0,5 ngày làm việc	Văn bản có liên quan
	Kiểm tra, xác minh các nội dung có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan, đơn vị được gửi lấy ý kiến - Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết tiến hành kiểm tra xác minh và theo dõi đơn đốc 	04 ngày làm việc	Văn bản xác minh
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận văn bản xác minh - Tổng hợp các nội dung - Đề xuất phương án giải quyết - Trình Lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn 	Công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã, phường, thị trấn được phân công giải quyết theo dõi đơn đốc	0,5 ngày làm việc	Văn bản, tài liệu có liên quan
Bước 4	<i>Trường hợp hồ sơ quá hạn chủ động thông báo bằng văn bản đến Bộ phận “Một cửa” kèm theo văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân và hẹn thời gian trả kết quả</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo cơ quan - Công chức được phân công xử lý hồ sơ 	Giờ hành chính	Mẫu số 04: Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP).

Bước 5	- Xét duyệt hồ sơ: + Nếu đồng ý: Ký duyệt + Nếu không đồng ý: Chuyển trả hồ sơ cho công chức tư pháp hộ tịch	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Ký duyệt Trích lục khai tử. Trường hợp từ chối có văn bản nêu rõ lý do
Bước 6	- Phát hành văn bản - Chuyển cho Bộ phận “Một cửa” trả kết quả cho cá nhân	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 7	Tiếp nhận kết quả giải quyết; trả cho cá nhân	Công chức Bộ phận “Một cửa” của cấp xã	Giờ hành chính	- Kết quả giải quyết TTHC - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ
Bước 8	- Thống kê và theo dõi - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức được phân công xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ - Hồ sơ lưu theo quy định
<p>Tổng thời gian giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phải xác minh: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. 				